

Bản án số: 60/2022/DS-ST
Ngày 23 - 12- 2022
“V/v Tranh chấp hụi”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Minh Hằng và bà Nguyễn Thanh Nguyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mau – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy – kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 99/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2022 về việc : “Tranh chấp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 171/2022/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Quyền T, sinh năm 1971

Địa chỉ: Ấp X, xã N.A, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Đoàn Thị T1, sinh năm 1976

Địa chỉ: Ấp X, xã N.A, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết tại Tòa án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Quyền T trình bày:

Vào ngày 10/11/2020 âm lịch bà T có tổ chức đây hụi tháng, 01 tháng xỏ 01 lần với mức đóng là 3.000.000 đồng/chân hụi, đây chụi có 25 người tham gia và bà T1 tham gia chơi 02 chân hụi.

Chân hụi thứ nhất bà T1 đóng hụi sống được 05 lần thì hốt hụi được số tiền 50.200.000 đồng. Sau khi hốt hụi bà T1 đóng hụi chết được 05 lần và hiện còn nợ lại

15 lần hội chết bằng số tiền 45.000.000 đồng.

Chân hội thứ hai bà T1 đóng hội sống được 09 lần thì hốt hội được số tiền 56.280.000 đồng và đóng thêm được 06 lần hội chết hiện còn nợ lại 10 lần hội chết là 30.000.000 đồng.

Ngoài ra trước đó khi chơi hội tuần bà T1 cũng nợ lại số tiền 2.700.000 đồng.

Sau khi bà T1 không đóng hội bà T đã phải xoay sở tiền để đóng hội thay cho bà T1 và đến nay đây hội đã mãn vào tháng 5/2022.

Như vậy đến nay bà T1 còn nợ của bà T 77.700.000 đồng tiền hội. Bà T yêu cầu bà T1 trả toàn bộ số tiền nợ hội và yêu cầu trả mỗi tháng 6.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, bà Đoàn Thị T1 có ý kiến trình bày như sau:

Bà T1 thừa nhận có chơi của bà T 01 chân hội tháng trị giá 3.000.000 đồng. Sau khi đóng hội sống được 09 lần thì hốt hội và đóng hội chết thêm được 06 lần. Hiện còn nợ 10 lần hội chết bằng 30.000.000 đồng. Ngoài ra còn nợ thêm 2.700.000 đồng tiền hội tuần.

Ngoài ra bà T1 còn xác nhận cũng trong đây hội này em gái của bà T1 cũng có chơi 01 chân hội. Việc chơi hội em gái bà T1 không trực tiếp chơi mà nhờ bà T1 đóng hội dùm. Sau, khi đóng hội sống là 05 lần em của bà T1 đã hốt hội có đóng hội chết được 05 lần và nợ 15 lần hội chết bằng 45.000.000 đồng.

Đối với phần nợ hội của em gái bà T1, do bà T1 chơi dùm và nay bà T yêu cầu bà T1 trả bà T1 cũng thống nhất trả.

Như vậy tổng số tiền bà T1 thống nhất trả nợ cho bà T tổng cộng là 77.700.000 đồng. Tuy nhiên hiện nay do làm ăn thất bại không có khả năng trả nợ nên bà T1 đề nghị được trả nợ dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Qua yêu cầu khởi kiện và ý kiến của các đương sự đã thống nhất và không thống nhất với nhau các vấn đề sau:

Thống nhất: Bà T và bà T1 cùng thống nhất xác nhận bà T1 có chơi hai chân hội (Trong đó bà T1 chơi dùm cho em gái của bà T1 một chân hội) do bà T làm chủ hội và hiện nay bà T1 có nghĩa vụ trả nợ cho bà T 77.700.000 đồng tiền hội. Các đương sự cùng xác nhận việc chơi hội không có sổ sách ghi chép chung nhưng khi hốt hội người nhận tiền hội có ký xác nhận việc đã nhận tiền hốt hội.

Không thống nhất: Bà T yêu cầu bà T1 trả nợ mỗi tháng 6.000.000 đồng, bà T1 đề nghị được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng. Các đương sự không thống nhất được phương án trả nợ.

Kết quả thu thập chứng cứ:

Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: 02 tờ giấy tập học sinh ghi việc giao tiền hội có ký nhận của bên giao hội và bên nhận hội.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Không có kiến nghị về phần thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông bà T trả cho bà T số tiền hội còn nợ là 77.700.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Tranh chấp phát sinh từ giao dịch dân sự và các đương sự đều có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên, căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên và quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “Tranh chấp hội”.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo xác nhận của bà T và bà T1, vào 10/11/2020 âm lịch T1 có tham gia chơi 02 phần (chân) hội trong dây hội tháng do bà T làm chủ hội, trong hai chân hội thì bà T1 chơi dùm cho em gái một chân, các đương sự thống nhất với nhau về thời gian áp hội hội, số phần hội, giá trị từng phần hội trong dây hội. Các đương sự cũng thống nhất việc bà T1 đã hót hội nhưng không thực hiện việc đóng hội đầy đủ cho tới khi mãn hội.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà T và bà T1 đã thống nhất được với nhau về số tiền hội mà bà T1 còn nợ và có nghĩa vụ trả cho bà T là 77.700.000 đồng. Ngoài sự thống nhất về số nợ trong quá trình giải quyết vụ án còn có các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án như các giấy giao tiền hội được các bên thừa nhận là những

chứng cứ để xác định bà T1 có nợ tiền hui của bà T là sự thật và yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ.

Do bà T1 vi phạm nghĩa vụ đóng hui sau khi hốt hui, căn cứ vào Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 16 và Điều 24 Nghị Định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ về Hộ, hui, biên, phường cần buộc bà T1 phải trả cho bà T số tiền hui còn nợ là 77.700.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà T1 thống nhất trả bà T số tiền nợ hui là 77.700.000 đồng tuy nhiên đề nghị được trả nợ dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ nhưng không được bà T đồng ý do đó không có cơ sở để chấp nhận đề nghị trả nợ dần của bị đơn.

[3] Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Nguyên đơn không có yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát huyện An Biên tại phiên tòa là có cơ sở và căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử đã xem xét và ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

[5] Về án phí của vụ án: $77.700.000 \text{ đồng} \times 5\% = 3.885.000 \text{ đồng}$.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên cần buộc bị đơn nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Bà Trần được hoàn trả số tiền đã nộp tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 471 Bộ luật Dân sự 2015;

- Điều 16, Điều 24 Nghị Định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ về Hộ, hui, biên, phường;

- Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Quyền T.

Buộc bà Đoàn Thị T1 có nghĩa vụ trả cho bà Lê Quyền T số tiền nợ hụi là 77.700.000 đồng (Bảy mươi bảy triệu, bảy trăm nghìn đồng). Nghĩa vụ trả nợ được thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền bà Lê Quyền T không có yêu cầu nên không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Đoàn Thị T1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 3.885.000 đồng (Ba triệu, tám trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho bà Lê Quyền T số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 1.942.500 đồng (Một triệu, chín trăm bốn mươi hai nghìn, năm trăm đồng) theo biên lai thu tiền số 0004990 ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A.

3. Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 23/12/2022.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAT;
- VKS An Biên;
- THADS;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

(Đã ký)

Đinh Thị Thơm